

Số: 420/2024/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 04 tháng 07 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 285/2024/HNST ngày 06 tháng 05 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:*

- Bà **Bang Long N**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **A chung cư T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**

- Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: **B chung cư M, phường A, Quận H, TP .**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** sau một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** (Giấy chứng nhận kết hôn số 80 quyền số 01/2013 tại **Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng,

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Cả hai đã ly thân được hơn 03 (Ba) năm từ năm 2020 tới nay.

Hiện nay, bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** có 02 con chung họ tên là :

1. **Võ Minh T1** (nam), sinh ngày 15/01/2014.
2. **Võ Minh T2** (nam), sinh ngày 21/08/2020.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, trẻ **Võ Minh T1** sẽ được ông **Võ Minh T** chăm sóc và nuôi dưỡng; trẻ **Võ Minh T2** sẽ được bà **Bang Long N** chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông **Võ Minh T** và bà **Bang Long N** không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu toà giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 80 quyển số 01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2013 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** xác nhận có 02 con chung. Họ tên là:

1. Trẻ **Võ Minh T1** (nam), sinh ngày 15/01/2014.
2. Trẻ **Võ Minh T2** (nam), sinh ngày 21/08/2020.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, trẻ **Võ Minh T1** sẽ được ông **Võ Minh T** chăm sóc và nuôi dưỡng; trẻ **Võ Minh T2** sẽ được bà **Bang Long N** chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông **Võ Minh T** và bà **Bang Long N** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp bà **Bang Long N**

làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông **Võ Minh T** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà **Bang Long N**.

Và ngược lại, trong trường hợp ông **Võ Minh T** làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà **Bang Long N** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông **Võ Minh T**.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu toà giải quyết

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23P số 0019192 ngày 06/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà **Bang Long N** và ông **Võ Minh T** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/ q đã thực hiện việc Đ KKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk V.Phương).

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**